

Số: /QĐ-UBND

Tuy Phước, ngày tháng năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc ban hành Kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản,
sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2022 - 2025
trên địa bàn huyện Tuy Phước**

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Khám chữa bệnh ngày 23/11/2009;

Căn cứ Luật Trẻ em ngày 05/4/2016;

Căn cứ Luật Thanh niên ngày 16/6/2020;

Căn cứ Quyết định số 1679/QĐ-TTg ngày 22/11/2019 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chiến lược dân số Việt Nam đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 4128/QĐ-BYT ngày 29/7/2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế về “Hướng dẫn chuẩn Quốc gia về các dịch vụ chăm sóc sức khỏe sinh sản”;

Căn cứ Quyết định số 3781/QĐ-BYT ngày 28/8/2020 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành “Kế hoạch hành động quốc gia về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2022 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 5914/QĐ-BYT ngày 29/12/2021 của Bộ trưởng Bộ Y tế về việc ban hành Đề án “Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2021 - 2025”;

Căn cứ Quyết định số 1295/QĐ-UBND ngày 21/4/2022 của UBND tỉnh về việc ban hành Kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn tỉnh Bình Định.

Theo đề nghị của Phòng Y tế tại Tờ trình số 186/TTr-PYT ngày 24/5/2022.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Tuy Phước.

Điều 2. Giao Trưởng phòng Phòng Y tế huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị, địa phương liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch được phê duyệt tại Điều 1 Quyết định này theo đúng mục tiêu, yêu cầu đề ra và đúng quy định hiện hành của Nhà nước.

Điều 3. Chánh Văn phòng HĐND và UBND huyện; Trưởng phòng: Phòng Y tế, Tài chính – Kế hoạch, Giáo dục và Đào tạo, Văn hoá và Thông tin huyện; Giám đốc Trung tâm Y tế huyện, Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị liên quan và Chủ tịch UBND các xã, thị trấn chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Sở Y tế;
- TT Huyện uỷ, TT HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện ;
- LĐVP; CVVP (K2);
- Trung tâm VH-TT-TT huyện;
- Lưu: VT.

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hùng Tân

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY PHƯỚC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

KẾ HOẠCH

**Chăm sóc sức khỏe sinh sản,
sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2022 - 2025
trên địa bàn huyện Tuy Phước**

*(Kèm theo Quyết định số /QĐ-UBND ngày / /2022
của UBND huyện Tuy Phước)*

I. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG KẾ HOẠCH

Theo số liệu báo cáo thống kê tháng 12/2021, tỷ lệ dân số từ 10 - 24 tuổi (nhóm tuổi vị thành niên - thanh niên) chiếm khoảng 20,93% dân số của huyện Tuy Phước. Tuy chưa có số liệu thống kê chính xác về tỷ lệ phá thai ở lứa tuổi vị thành niên (VTN), nhưng thực tế có rất nhiều trường hợp VTN lựa chọn biện pháp kế hoạch hóa gia đình không đảm bảo chất lượng tại các cơ sở không đủ điều kiện theo quy định đã gây ra một số ảnh hưởng đến sức khỏe, tinh thần của vị thành niên - thanh niên (VTN-TN).

Bên cạnh đó, hệ thống y tế chưa có các cơ sở cung cấp dịch vụ thân thiện dành riêng cho độ tuổi VTN-TN; hầu hết cán bộ y tế kiêm nhiệm đồng thời nhiều chương trình, nên công tác chăm sóc sức khỏe sinh sản (SKSS) cho VTN-TN còn nhiều hạn chế; kinh phí dành cho các hoạt động chăm sóc SKSS cho VTN-TN hạn hẹp nên việc triển khai các hoạt động chăm sóc SKSS, sức khỏe tình dục (SKTD) của VTN-TN chưa nhiều, chưa hiệu quả.

Để đáp ứng nhu cầu về chăm sóc SKSS, SKTD và nâng cao sức khỏe cho VTN-TN, góp phần tạo ra nguồn nhân lực chất lượng cao cho huyện, UBND huyện ban hành Kế hoạch Chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên giai đoạn 2022 - 2025 trên địa bàn huyện Tuy Phước (sau đây gọi tắt là Kế hoạch).

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung:

Cải thiện tình trạng SKSS, SKTD của VTN-TN thông qua việc đẩy mạnh truyền thông, tư vấn và tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên môn kỹ thuật chăm sóc SKSS, SKTD có chất lượng, phù hợp với điều kiện học tập, làm việc và sinh hoạt của các nhóm VTN-TN, góp phần đưa VTN-TN trở thành một lực lượng lao động khỏe mạnh, đóng góp vào các mục tiêu phát triển bền vững của huyện nói riêng và của Việt Nam nói chung.

2. Mục tiêu cụ thể

a) Mục tiêu 1: Tăng cường sự quan tâm của chính quyền địa phương và các đơn vị liên quan, nhằm tạo điều kiện thuận lợi cho chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN đạt hiệu quả.

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- Kịp thời xây dựng, ban hành các văn bản phối hợp liên ngành trong việc thực hiện hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN theo hướng dẫn của các cơ quan Trung ương, tỉnh có liên quan.

- 100% các xã, thị trấn xây dựng, ban hành kế hoạch chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN của địa phương.

- Trên 70% cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương ban hành các văn bản chỉ đạo, thực hiện các chính sách về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN và bố trí kinh phí thực hiện trong nhà trường, cộng đồng, doanh nghiệp.

- Tối thiểu 80% các cơ sở chăm sóc SKSS, trường học và đơn vị/doanh nghiệp trong cụm doanh nghiệp tại địa phương có các kế hoạch thực hiện chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN.

b) Mục tiêu 2: Tiếp tục nâng cao kiến thức, thay đổi hành vi của VTN-TN về chăm sóc SKSS, SKTD và các đối tượng liên quan (cha mẹ, thầy cô, cán bộ Đoàn Thanh niên, chủ đơn vị/doanh nghiệp...) thông qua các hoạt động truyền thông, giáo dục và tư vấn phù hợp với đặc thù của các đối tượng ưu tiên.

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- Nội dung giáo dục SKSS, SKTD toàn diện phù hợp với lứa tuổi, bao gồm cả kỹ năng sống liên quan đến vấn đề SKSS, SKTD được đưa vào chương trình giảng dạy trong nhà trường.

- Ít nhất 80% VTN-TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên có hiểu biết về những nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD như: Giáo dục giới tính, tình dục an toàn, các biện pháp tránh thai, mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh nhiễm khuẩn đường sinh sản/lây truyền qua đường tình dục (NKĐSS/LTQĐTD), lây nhiễm HIV, phòng ngừa xâm hại và bạo lực tình dục, dự phòng phát hiện sớm ung thư đường sinh sản...

- Ít nhất 80% các thầy cô giáo được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Ít nhất 80% bậc cha mẹ hoặc người giám hộ của VTN-TN thuộc nhóm tuổi từ 10 đến 14, nhóm VTN-TN khuyết tật được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Ít nhất 50% các chủ doanh nghiệp tại khu công nghiệp được cung cấp thông tin về chăm sóc SKSS/SKTD VTN-TN.

- Ít nhất 70% người lao động (dưới 30 tuổi) trong các cụm công nghiệp có hiểu biết về các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến công tác chăm sóc

SKSS, SKTD và được cung cấp thông tin về nội dung cơ bản trong chăm sóc SKSS, SKTD cho TN.

- Ít nhất 70% VTN-TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên được cung cấp địa chỉ và biết các cơ sở cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD đảm bảo chất lượng.

- Ít nhất 60% VTN-TN thuộc nhóm đối tượng ưu tiên có hành vi tình dục an toàn.

c) Mục tiêu 3: Tăng cường tiếp cận nâng cao chất lượng và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN, đặc biệt là ở các nhóm đối tượng ưu tiên.

Chỉ tiêu đến năm 2025:

- 100% cơ sở chăm sóc SKSS công lập có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN.

- 70% cơ sở chăm sóc SKSS tư nhân có cán bộ được đào tạo về cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN.

- 70% cơ sở chăm sóc SKSS công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN-TN.

- 50% cơ sở chăm sóc SKSS công lập cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho nhóm VTN-TN ưu tiên, tập trung vào nhóm VTN-TN khuyết tật.

- 50% cơ sở chăm sóc SKSS tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện với VTN-TN.

- 70% cơ sở chăm sóc SKSS thực hiện thông tin giáo dục, truyền thông, tư vấn về SKSS, SKTD cho VTN-TN.

III. THỜI GIAN, PHẠM VI VÀ ĐỐI TƯỢNG THỰC HIỆN

1. Thời gian thực hiện Kế hoạch: Từ năm 2022 đến hết năm 2025.

2. Phạm vi thực hiện: Trên địa bàn toàn huyện.

3. Đối tượng thực hiện:

a) Đối tượng trực tiếp: VTN và TN trên địa bàn huyện, trong đó ưu tiên các nhóm:

- Nhóm VTN trong độ tuổi từ 10 đến 14;

- Nhóm VTN-TN khuyết tật;

- Nhóm VTN-TN và người trẻ dưới 30 tuổi (là người chưa kết hôn hoặc đã kết hôn) lao động tại các khu công nghiệp;

- Nhóm dân tộc thiểu số;

- Nhóm VTN-TN có hành vi nguy cơ cao đối với SKSS, SKTD như nhóm sử dụng ma túy và các chất gây nghiện, thanh niên mại dâm, nhóm có các xu hướng tính dục khác nhau LGBT...

b) Đối tượng can thiệp gián tiếp:

- Nhân viên y tế tại các cơ sở chăm sóc SKSS (cả khối công lập và tư nhân).

- Nhóm đối tượng có ảnh hưởng/liên quan đến hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN, gồm: Các nhà hoạch định chính sách có liên quan đến hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN; cha mẹ; thầy, cô giáo; người quản lý doanh nghiệp; cán bộ Đoàn Thanh niên; cán bộ Công đoàn; cán bộ Hội Phụ nữ.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Đẩy mạnh thông tin giáo dục và truyền thông thay đổi hành vi:

- Tổ chức truyền thông vận động về tầm quan trọng của SKSS, SKTD đối với VTN-TN cho lãnh đạo các cấp chính quyền từ huyện đến xã cũng như các ban ngành đoàn thể liên quan như giáo dục, Đoàn Thanh niên, Hội Phụ nữ, Công đoàn,... với đa dạng các hình thức truyền thông như: đài phát thanh, hội nghị, hội thảo,..

- Tăng cường tổ chức các hoạt động thông tin - giáo dục - truyền thông cho cộng đồng về:

+ Kiến thức về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN, đặc biệt là kiến thức, hành vi tình dục an toàn về thực hành đúng các biện pháp tránh thai.

+ Tính sẵn có và chất lượng của dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN.

+ Cung cấp tài liệu truyền thông cho cán bộ y tế và cán bộ cộng đồng, chú ý tài liệu cần có nội dung rõ ràng, sinh động, dễ đọc dễ hiểu.

+ Cung cấp các địa chỉ đáng tin cậy/số điện thoại đường dây nóng cho các bậc cha mẹ, phụ huynh và bản thân VTN-TN.

- Đẩy mạnh giáo dục SKSS, SKTD toàn diện trong nhà trường: tăng cường giáo dục giới tính, giáo dục kỹ năng sống liên quan đến SKSS, SKTD cho VTN-TN; xây dựng góc tư vấn về SKSS, SKTD với nội dung phù hợp với từng bậc học trong nhà trường; lồng ghép các nội dung chăm sóc SKSS, SKTD trong các hoạt động sinh hoạt tập thể, các cuộc thi trong nhà trường (như: Rung chuông vàng, thi hùng biện, ngày hội mỹ thuật,...); Khuyến khích các hình thức giáo dục đồng đẳng như nhóm bạn, câu lạc bộ,...

- Tăng cường tổ chức các hoạt động thiết thực, các buổi giao lưu, tọa đàm hoặc tổ chức cuộc thi nội dung liên quan về chăm sóc sức khỏe sinh sản, sức khỏe tình dục vị thành niên - thanh niên trên địa bàn huyện.

- Huy động các tổ chức xã hội dân sự thực hiện thí điểm các mô hình can thiệp chăm sóc SKSS, SKTD cho các nhóm đối tượng yếu thế tại gia đình, nhà trường, cơ quan và cộng đồng.

- Phát huy vai trò của những người có uy tín trong cộng đồng (người cao tuổi, các vị chức sắc tôn giáo, các nhân vật trẻ có ảnh hưởng với giới trẻ,...) trong việc giáo dục lối sống lành mạnh cho VTN-TN.

2. Giải pháp đảm bảo nguồn nhân lực, nâng cao năng lực quản lý và kỹ năng chuyên môn cho mạng lưới y tế cơ sở:

- Cập nhật kịp thời các hướng dẫn chuyên môn, chương trình, tài liệu đào tạo liên quan đến chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN cho cán bộ y tế.

- Đào tạo, tập huấn nâng cao năng lực cho mạng lưới chăm sóc SKSS, SKTD về lập kế hoạch, triển khai thực hiện, theo dõi, giám sát và đánh giá công tác chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN.

- Tăng cường nhân lực cán bộ y tế cung cấp dịch vụ CSSKSS trên địa bàn huyện, đảm bảo mỗi trạm y tế có 01 nữ hộ sinh được tập huấn về chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN.

- Tổ chức triển khai các hoạt động lồng ghép trong chia sẻ thông tin, kinh nghiệm và phối hợp hành động giữa các ngành, các tổ chức liên quan, các địa phương trong thực hiện chương trình chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN, đặc biệt là nhóm VTN-TN ưu tiên.

3. Giải pháp về đảm bảo tài chính, cơ sở vật chất thực hiện các hoạt động:

- Lồng ghép hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN vào các chương trình dự án đang triển khai để thực hiện.

- Huy động sự tham gia, đóng góp của xã hội, của cộng đồng hỗ trợ nguồn lực, kỹ thuật trong tổ chức, triển khai hoạt động.

- Huy động sự tham gia, đóng góp của doanh nghiệp trong chăm sóc SKSS cho công nhân lao động tại các cụm công nghiệp.

- Tăng cường cơ sở vật chất, trang thiết bị theo hướng lồng ghép với hoạt động chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN, đặc biệt ưu tiên cơ sở vật chất, trang thiết bị cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho nhóm VTN-TN ưu tiên tại cơ sở y tế các tuyến, trường học, cụm công nghiệp và cộng đồng.

- Cải thiện quy trình quản lý thông tin về SKSS, SKTD cho VTN-TN trên nền tảng sẵn có của hệ thống báo cáo y tế.

4. Giải pháp nhằm nâng cao tính sẵn có và chất lượng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN:

- Kết nối và phát triển mạng lưới các cơ sở y tế công lập và tư nhân cung cấp dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện và toàn diện cho VTN-TN, tập trung vào

các dịch vụ giảm mang thai ngoài ý muốn, phá thai không an toàn, phòng chống các bệnh lây truyền qua đường tình dục (bao gồm cả HIV) cho các nhóm đối tượng ưu tiên.

- Tổ chức các đợt chăm sóc lưu động về SKSS, SKTD thân thiện và toàn diện, kết hợp với các chương trình truyền thông, đảm bảo tính thuận tiện về thời gian và địa điểm cho VTN-TN tại cộng đồng và cụm công nghiệp.

- Mở rộng và tăng cường áp dụng các cách tiếp cận mới trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN thông qua các dự án cộng đồng (như: phòng chống bạo lực trên cơ sở giới, khởi nghiệp/hỗ trợ sinh kế, sức khỏe cộng đồng, v.v...), các ứng dụng công nghệ thông tin/trí tuệ nhân tạo,... nhằm đồng thời cải thiện chất lượng thông tin/dịch vụ và nâng cao sự hài lòng cũng như tiếp cận thông tin và sử dụng dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD đối với VTN-TN.

- Đẩy mạnh thực hiện liên kết trong cung cấp thông tin và dịch vụ chăm sóc SKSS, SKTD VTN-TN trên cơ sở huy động hiệu quả các nguồn lực xã hội từ ngân sách nhà nước, cơ sở tư nhân, các tổ chức phi chính phủ/phi lợi nhuận và người sử dụng dịch vụ là VTN-TN.

- Phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các mô hình chăm sóc SKSS, SKTD thân thiện cho VTN-TN; mô hình điểm cung cấp thông tin, tư vấn, dịch vụ tại các địa điểm thích hợp như nhà trường, cộng đồng, cụm công nghiệp

V. NGUỒN KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Từ nguồn ngân sách trung ương, ngân sách địa phương, nguồn bảo hiểm y tế, nguồn từ người sử dụng dịch vụ, nguồn xã hội hóa, nguồn viện trợ, tài trợ và các nguồn vốn hợp pháp khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào mục tiêu và nội dung Kế hoạch này, Phòng Y tế chủ trì, phối hợp với Trung tâm Y tế và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch, lập dự toán kinh phí thực hiện gửi Phòng Tài chính - Kế hoạch thẩm định, trình UBND huyện xem xét, phê duyệt để tổ chức thực hiện theo quy định.

3. Các đơn vị, UBND các xã, thị trấn chủ động bố trí kinh phí theo phân cấp ngân sách hiện hành, huy động, khuyến khích sự tham gia của cộng đồng dân cư, của doanh nghiệp và của các tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật để thực hiện.

VI. PHÂN CÔNG TRÁCH NHIỆM

1. Phòng Y tế:

- Chủ trì, phối hợp với các phòng, ban, ngành, đơn vị, địa phương liên quan bố trí nhân lực, phương tiện để tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này và Kế hoạch hàng năm đảm bảo mục tiêu, yêu cầu đề ra.

- Hàng năm, chủ trì, phối hợp với Phòng Tài chính - Kế hoạch và các phòng, ngành, đơn vị, địa phương liên quan tham mưu cho UBND huyện ban hành Kế hoạch thực hiện hàng năm, bố trí kinh phí thực hiện Kế hoạch phù hợp với khả năng cân đối ngân sách của địa phương; đảm bảo phân bổ, sử dụng kinh phí có hiệu quả và tuân thủ các quy định tài chính, kế toán hiện hành.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch; định kỳ báo cáo Sở Y tế, UBND huyện và các cơ quan liên quan theo quy định.

2. Trung tâm Y tế huyện:

- Chủ động xây dựng và tổ chức thực hiện Kế hoạch này, đồng thời hướng dẫn các Trạm Y tế xã, thị trấn thực hiện các hoạt động truyền thông, tư vấn và tăng cường cung cấp dịch vụ chuyên môn kỹ thuật chăm sóc SKSS, SKTD có chất lượng,... theo hướng dẫn của Bộ Y tế.

- Phối hợp với Phòng Y tế rà soát, tính toán, nghiên cứu, đề xuất kinh phí để thực hiện Kế hoạch này.

- Tăng cường đào tạo, phát triển và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để thực hiện Kế hoạch.

- Báo cáo kết quả thực hiện các chỉ tiêu của Kế hoạch cho Sở Y tế, UBND huyện theo đúng quy định.

3. Phòng Tài chính-Kế hoạch:

Phối hợp với Phòng Y tế và các cơ quan liên quan tham mưu, đề xuất cho UBND huyện bố trí kinh phí trong dự toán ngân sách hàng năm phù hợp với khả năng ngân sách và đúng quy định hiện hành của Nhà nước để tổ chức triển khai Kế hoạch trên địa bàn huyện; hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc quản lý, sử dụng kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

4. Phòng Giáo dục và Đào tạo và Hiệu trưởng các trường THPT trên địa bàn huyện: Phối hợp với Phòng Y tế và Trung tâm Y tế thực hiện giáo dục về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN trong nhà trường; bồi dưỡng cho giáo viên về kiến thức, kỹ năng tổ chức các hoạt động về giáo dục giới tính, SKSS, SKTD cho VTN-TN. Xây dựng “Góc tư vấn thân thiện”, tủ sách tại các trường THCS, THPT.

5. Phòng Văn hóa và Thông tin, Trung tâm VH-TT-TT: Chỉ đạo, hướng dẫn các Đài Truyền thanh cơ sở thực hiện công tác tuyên truyền về chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN.

6. Hội Liên hiệp Phụ nữ huyện, Huyện đoàn, Liên đoàn Lao động huyện, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Ban QLDA ĐTXD & PTQĐ: Phối hợp với Phòng Y tế đưa nội dung chăm sóc SKSS, SKTD cho VTN-TN vào kế hoạch, chương trình hoạt động của đơn vị, phối hợp tổ chức các hoạt động truyền thông cho các đối tượng liên quan đến VTN-TN.

7. UBND các xã, thị trấn:

a) Căn cứ tình hình thực tế của địa phương và nội dung của Kế hoạch này để xây dựng, ban hành Kế hoạch của địa phương; tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch có hiệu quả.

b) Bố trí nhân lực, phương tiện, kinh phí thực hiện Kế hoạch theo quy định.

c) Lòng ghép có hiệu quả Kế hoạch với các dự án có liên quan trên địa bàn; thường xuyên kiểm tra, giám sát và báo cáo kết quả thực hiện Kế hoạch theo quy định, theo hướng dẫn của các cơ quan có thẩm quyền.

8. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện và các tổ chức thành viên: Chỉ đạo các cấp hội phối hợp với các ngành, các cấp trong huyện tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch này; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục nhằm nâng cao nhận thức về chăm sóc SKSS, SKTD của VTN-TN cho hội viên, đoàn viên và cộng đồng.

Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, đơn vị, địa phương phản ánh về Phòng Y tế để được hướng dẫn, giải quyết kịp thời.

Yêu cầu Thủ trưởng các phòng, ban, ngành, cơ quan, đơn vị, địa phương nghiêm túc tổ chức triển khai, thực hiện Kế hoạch này./.